

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

Số: 53 /2026/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 07 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi; quy mô xác định điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ Về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 74/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 115/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 471/TTr-SNNMT ngày 09/6/2026 về việc ban hành Quyết định Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi; quy mô xác định điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi; quy mô xác định điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi; quy mô xác định điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2026

2. Bãi bỏ các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định phân cấp quản lý các công trình thủy lợi và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

b) Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định phân cấp quản lý, phê duyệt công bố công khai quy trình vận hành, phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

c) Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước do tỉnh Lào Cai quản lý;

3. Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung các quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Lào Cai ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ky*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT. Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT. *ky*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



ky
Giàng Quốc Hưng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý công trình thủy lợi; quy mô xác định điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

(Ban hành kèm theo Quyết định số **53** /2026/QĐ-UBND ngày **07** tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi; quy mô xác định điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có một phần ngân sách nhà nước được đưa vào khai thác, sử dụng;

b) Đối với các công trình, hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn khác, việc tổ chức quản lý, vận hành do chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) quyết định và được thực hiện theo quy định của pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã), các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác, vận hành, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kênh là công trình thủy lợi có chức năng dẫn, phân phối hoặc tiêu thoát nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các mục đích sử dụng nước khác.

2. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là vị trí chuyển giao sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và được xác định theo quy mô thủy lợi nội đồng.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý công trình thủy lợi; quy mô xác định điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

1. Tùy theo quy mô, năng lực, mức độ phức tạp về kỹ thuật và vị trí của công trình để phân cấp công trình thủy lợi cho cấp xã chịu trách nhiệm quản lý.

2. Công trình do cấp nào quản lý thì cấp đó trực tiếp tổ chức khai thác, bảo vệ và đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp theo đúng quy định của Nhà nước.

nguồn nước và các tác hại khác do các cá nhân, tổ chức gây ra, bảo đảm an toàn công trình.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI; QUY MÔ XÁC ĐỊNH ĐIỂM GIAO NHẬN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THỦY LỢI

Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các công trình thủy lợi bao gồm: Công trình thủy lợi đầu mối và hệ thống kênh từ công trình thủy lợi đầu mối đến điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi các công trình tưới, tiêu có diện tích từ 0,5 ha trở lên.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý các công trình thủy lợi có diện tích tưới, tiêu dưới 0,5 ha và kênh mương nội đồng thuộc hệ thống công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý kể từ sau điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý công trình theo phân cấp và chịu trách nhiệm trong phạm vi được giao.

Điều 5. Quy mô xác định điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

1. Quy mô xác định điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

Đối với tỉnh Lào Cai, quy mô xác định điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của khu vực tưới, tiêu được quy định theo diện tích tưới, tiêu thiết kế nhỏ hơn hoặc bằng 0,5 ha.

2. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

Đối với công trình thủy lợi mà kênh nhánh phụ trách tưới có diện tích nhỏ hơn hoặc bằng 0,5 ha thì điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi ngay đầu kênh nhánh đó. Trường hợp không xác định được vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ cụ thể thì tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi tự thỏa thuận điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

Chương III

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân lập danh mục công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao quản lý theo phân cấp.

3. Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi trong việc lập và tổ chức thực hiện quy trình vận hành, phương án

bảo vệ công trình, phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, cá nhân liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

5. Thẩm định quy trình vận hành, phương án bảo vệ đập, phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Lấy ý kiến tham gia của các sở, ban ngành liên quan (nếu có) trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo phân cấp quản lý.

6. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan lập dự toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hằng năm; dự toán kinh phí đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo quy định; dự toán kinh phí hỗ trợ khắc phục thiệt hại công trình thủy lợi do thiên tai gây ra.

7. Chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi, định kỳ hàng năm rà soát, tổng hợp đánh giá hiện trạng công trình, đề xuất danh mục, kinh phí duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo các công trình thủy lợi, thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định; kiểm kê, đánh giá nguồn nước, tổng hợp nhu cầu sử dụng nước từ công trình thủy lợi để xây dựng kế hoạch cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và các mục đích sử dụng khác theo quy định.

Điều 7. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Tài chính chủ trì thẩm định, tổng hợp dự toán, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hằng năm; kinh phí xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, khắc phục thiệt hại các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo quy định; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp quyết toán kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt theo khoản 2, điều 22 Nghị định 115/2026/NĐ-CP.

2. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo việc ngăn chặn các hành vi phá hoại, bảo đảm an toàn cho công trình thủy lợi và khắc phục hậu quả khi xảy ra sự cố.

Điều 8. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về công trình thủy lợi

1. Tiếp nhận, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp; tổ chức vận hành công trình bảo đảm an toàn, đúng quy trình, phát huy hiệu quả phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các nhu cầu hợp pháp khác. Hằng năm rà soát, đánh giá hiện trạng, năng lực phục vụ, mức độ an toàn của công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý; lập, đề xuất kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo công trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn xem xét, bố trí kinh phí theo quy định.

2. Kiểm tra, ngăn chặn và xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, cập nhật thông tin công trình vào cơ sở dữ liệu về thủy lợi theo quy định.

3. Chỉ đạo việc thành lập, kiện toàn, củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở để quản lý, khai thác vận hành công trình thủy lợi theo phân cấp.

Điều 9. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

1. Hằng năm đánh giá hiện trạng công trình, đề xuất danh mục, kinh phí duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo, bảo trì công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân khai thác vận hành; kiểm kê, đánh giá nguồn nước để xây dựng kế hoạch cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và các nhu cầu dùng nước của các ngành kinh tế khác; thực hiện chế độ thông tin, thống kê, báo cáo về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định.

2. Xây dựng kế hoạch củng cố năng lực vận hành, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phù hợp theo quy định này.

3. Triển khai lập hồ sơ phương án và thực hiện cấm mốc chỉ giới công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu khó khăn, vướng mắc hoặc có những nội dung cần sửa đổi, bổ sung Quy định này thì các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các nội dung giao kế hoạch, đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ký kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện đến hết thời hạn theo quy định.

2. Đối với việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, việc xử lý chuyển tiếp thực hiện theo Điều 31 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP./.